TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** TỈNH NGHỆ AN ---------- *Bản án số:66/2022/ST – HNGĐ* *Ngày 27 tháng 4 năm 2022* *"V/v Yêu cầu ly hôn, nuôi con".*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A – TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lệ Hằng.

Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Trọng Anh và bà Đặng Huyền Sâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2022/TLST–HNGĐ ngày 14/02/2022 về việc "Yêu cầu ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST–HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: **Chị Lê Thị T** – Sinh năm: 1990

Nơi cư trú: Thôn 12, xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt (Có đơn xin vắng mặt).

* *Bị đơn:* **Anh Trần Đăng T** – Sinh năm: 1989

HKTT: Thôn 12, xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt không có lý do.

* *Người làm chứng:* Ông Trần Đăng H – Sinh năm: 1963 - Trú tại: Thôn 12, xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Chị Lê Thị T và anh Trần Đăng T kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được 01 người con chung. Sau một thời gian chung sống, đầu năm 2013, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách không hợp nhau. Do mâu

thuẫn không thể giải hòa, chị T và anh T đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho vợ chồng.

Về con chung: Chị T và anh T có một người con chung là Trần Đăng Q – Sinh ngày: 29/3/2013, từ khi vợ chồng ly thân, con ở với chị T. Nay ly hôn chị T và anh T thỏa thuận chị T nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Không có tài chung gì và không nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Đăng T vắng mặt nên không có ý kiến.

- Tại phiên tòa hôm nay, người làm chứng ông Trần Đăng H vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, ông H đã trình bày:

Anh Trần Đăng T là con trai của ông H, còn chị T là con dâu. Anh T và chị T kết hôn vào năm 2012, có 01 người con chung là cháu Trần Đăng Q. Quá trình chung sống với nhau, anh T thường vi phạm pháp luật, chị T khuyên bảo nhưng anh T không nghe. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015. Hiện tại anh T đã đi làm ăn ở miền nam. Anh T có gọi điện về trao đổi với ông H về chuyện ly hôn của vợ chồng, anh T nói đồng ý ly hôn với chị T. Tuy nhiên, do điều kiện ở xa, và tình hình dịch bệnh phức tạp nên anh T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn vắng mặt. Về con chung: Anh T và chị T thống nhất để chị T nuôi con. Về tài sản chung và nợ: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh T, ông H nhận và đã thông báo lại cho anh T. Thông qua ông Trần Đăng H, anh Trần Đăng T cho biết: Anh T đồng ý ly hôn với chị T, đồng ý để chị T nuôi con chung là Trần Đăng Q – Sinh ngày 29/3/2013; Về tài sản chung và nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên Tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến về vụ án và về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

* Việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Nguyên đơn thực hiện nghiêm túc quyền và nghĩa vụ của mình trong suốt quá trình điều tra, và xét xử. Bị đơn đã được tống đạt và thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt nên Toà án xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ. Như vậy, vụ án đã được thụ lý, điều tra và xét xử đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình: Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Trần Đăng T.

+ Về con chung: Giao con chung là Trần Đăng Q – Sinh ngày: 29/3/2013 cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Trần Đăng T.

+ Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm vấn công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Đăng T vắng mặt tại địa phương, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và tài liệu chứng cứ liên quan trong vụ án ly hôn giữa chị T và anh T cho anh T do ông Trần Đăng H là cha đẻ của anh T nhận và ông H đã báo lại cho anh T biết. Mặc dù, anh T biết Tòa án đang giải quyết ly hôn theo yêu cầu của chị T nhưng anh T không về và không cung cấp địa chỉ cư trú, nơi làm việc cho chị T và Tòa án biết. Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt, còn chị T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị T và anh Trần Đăng T kết hôn với nhau vào năm 2012 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân tự nguyện, hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc và có 01 con chung, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách không hợp nhau, thường xuyên xảy ra tranh cãi, tình cảm vợ chồng không còn. Cho nên, vợ chồng đã sống ly thân năm 2015 đến nay. Hiện tại vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn cho vợ chồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không có mặt tại địa phương, mặc dù anh T đã biết Tòa án đang giải quyết ly hôn theo yêu cầu của chị T. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và các tài liệu cho anh T nhưng anh T vẫn không đến Tòa án để giải quyết. Thông qua ông Trần Đăng H, anh T đồng ý ly hôn với chị T. Việc anh T không về để giải quyết vụ án theo giấy báo triệu tập của Tòa án và không cung cấp địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc cho chị T và Tòa án biết là nhằm gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án và cố tình giấu địa chỉ. Vì

vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vụ án theo thủ tục chung là có căn cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy mục đích của hôn nhân vợ chồng là cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc bền vững, cùng nhau chăm lo cuộc sống. Nhưng giữa chị T và anh T chỉ sống hạnh phúc được một thời gian rất ngắn thì sống ly thân đến nay là 7 năm. Vợ chồng đã bỏ mặc nhau, mỗi người sống một nơi, không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn. Do đó, hôn nhân giữa chị T và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không thể đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình và cũng phù hợp với nguyện vọng của anh T là chấp nhận yêu cầu ly hôn với chị T.

[2.2]. Về nuôi con chung:

Vợ chồng chị Lê Thị T và anh Trần Đăng T có 01 con chung là Trần Đăng Q – Sinh ngày 29/3/2013. Từ khi vợ chồng chị T và anh T sống ly thân, con ở với chị T. Nay ly hôn, chị T và anh T thống nhất để chị T nuôi con. Vì vậy, cần giao con Trần Đăng Q cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp với nguyện vọng của con và của các đương sự. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ:

Chị Lê Thị T, anh Trần Đăng T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4]. Về án phí:

Chị Lê Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

<u>Áp dụng</u>: Khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, điều 81, điều 82 và điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a, điểm b khoản 2 điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a, điểm d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 29 tháng 3 năm 2016.

<u>Tuyên xử:</u>

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Trần Đăng T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Trần Đăng Q – Sinh ngày 29/3/2013 cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho anh Trần Đăng T.

(Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở).

4. Về án phí: Chị Lê Thị T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn (Đã nộp theo biên lai số 0000085 ngày 14/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Nghệ An).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND xã D, huyện D (Nơi đã ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Lệ Hằng